

Ngày 30/09/2025	39,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.7%	28.2%	26.2%

Q3/25	
ROE	18.8%
	+/- YoY ▲ 6.1%

Q3/25			
DT thuần	265	QoQ	YoY
		▼ 104	▲ 70.0
		▼ 28.1%	▲ 36.1%
tỷ VNĐ			

9T 2025		
DT thuần	880	YoY
		▲ 266
		▲ 43.2%
tỷ VNĐ		

Q3/25			
LN gộp	59.3	QoQ	YoY
		▼ 49.7	▲ 17.0
		▼ 45.6%	▲ 40.2%
tỷ VNĐ			

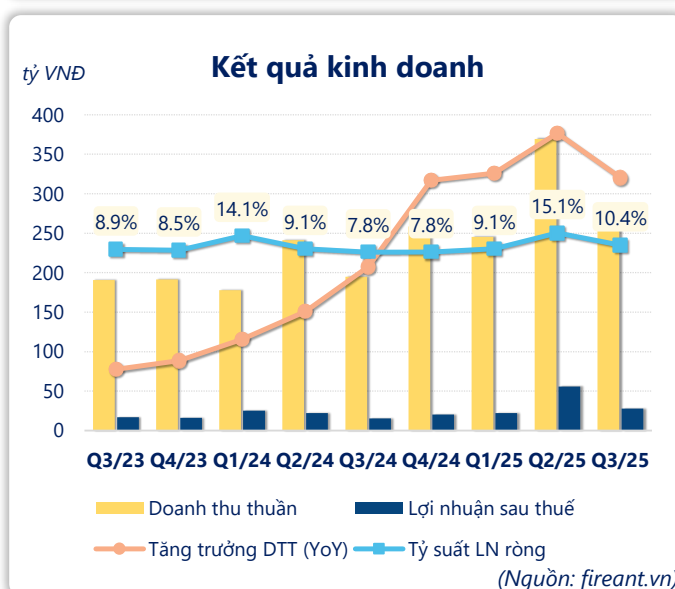
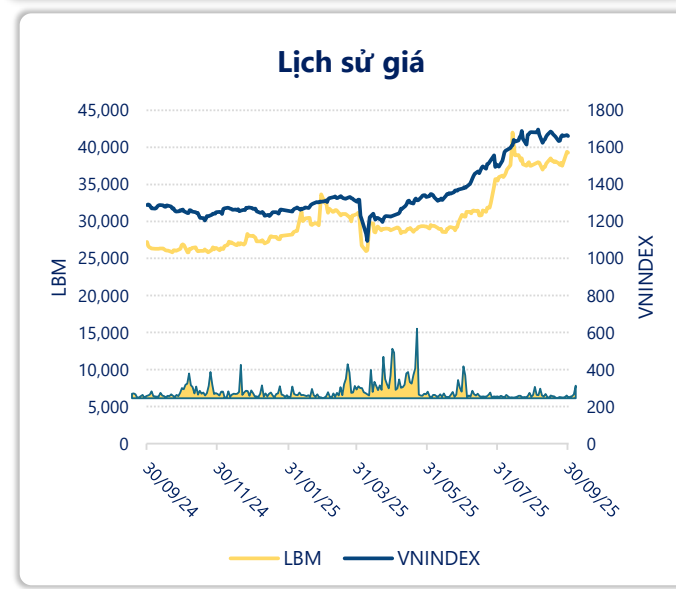
	9T 2025	
LN gộp	224	YoY ▲ 81.0 ▲ 56.7%
	tỷ VNĐ	

Q3/25			
LN thuần	35.1	QoQ	YoY
		▼ 33.4	▲ 16.5
		▼ 48.8%	▲ 88.7%
tỷ VNĐ			

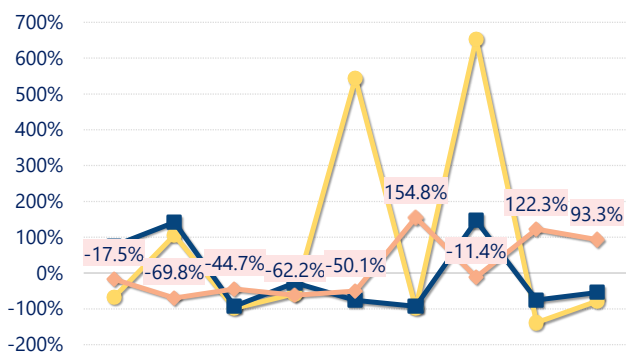
9T 2025		
LN thuần	130	YoY ▲ 51.1 ▲ 65.1%
tỷ VNĐ		

	Q3/25		
LN sau thuế	27.7	QoQ ▼ 28.2 ▼ 50.4%	YoY ▲ 12.5 ▲ 82.3%
	tỷ VNĐ		

9T 2025		
LN sau thuế	106	YoY ▲ 43.7 ▲ 70.0%
tỷ VNĐ		



Tăng trưởng lợi nhuận

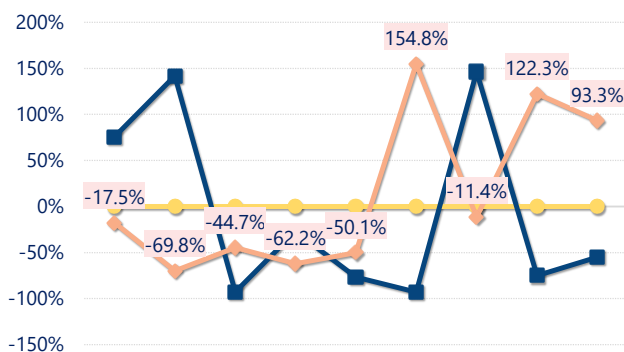


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

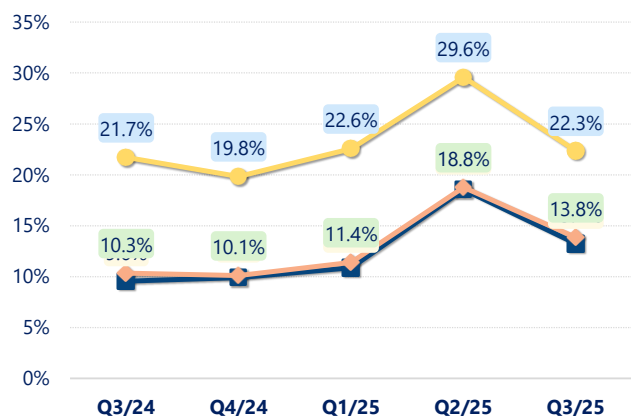


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

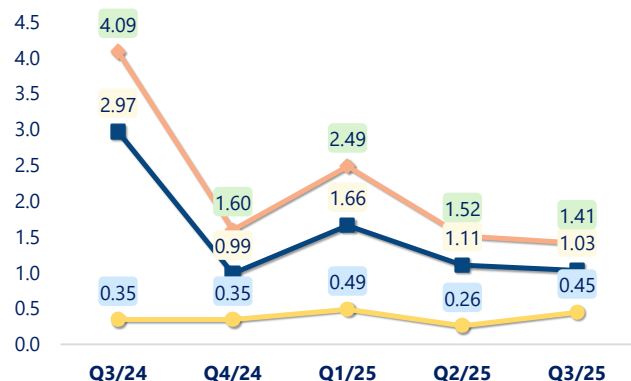


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

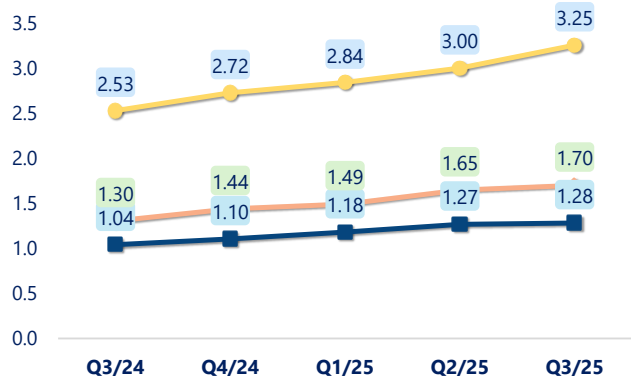


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

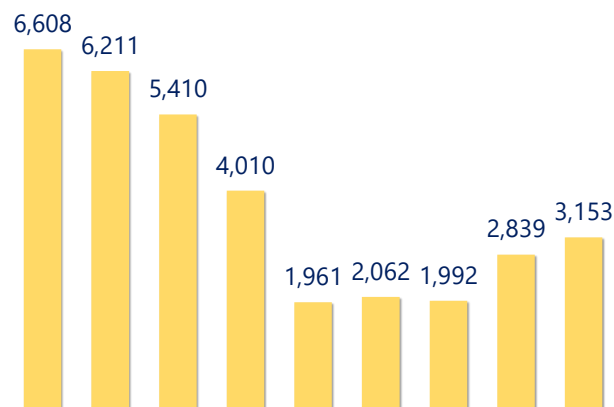


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	265	195	36.1%	880	614	43.2%
Giá vốn hàng bán	206	153	34.7%	656	471	39.1%
Lợi nhuận gộp	59.3	42.3	40.2%	224	143	56.7%
Doanh thu HĐTC	0.44	0.15	192%	0.62	0.48	29.0%
Chi phí TC	1.60	1.00	59.6%	3.80	3.32	14.3%
Chi phí lãi vay	1.59	0.99	61.1%	3.80	3.12	21.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.87	0.85	2.4%	3.97	4.00	-0.8%
Chi phí QLDN	22.2	22.0	0.8%	86.5	57.1	51.4%
LN thuần từ HĐKD	35.1	18.6	88.7%	130	78.9	65.1%
Lợi nhuận khác	0.03	0.54	-94.3%	-0.11	0.01	-1805%
LN trước thuế	35.1	19.2	83.0%	130	78.9	65.0%
Lợi nhuận sau thuế	27.7	15.2	82.3%	106	62.3	70.0%
LNST của CĐ cty mẹ	27.7	15.2	82.3%	106	62.2	70.2%

(Nguồn: fireant.vn)

